

Số: 2549/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình: Đăng ký khai sinh, Đăng ký kết hôn, Đăng ký khai tử
trên Cổng Dịch vụ công, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Hộ tịch năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư; định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tiêu chí chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;



Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số Quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Văn bản số 1868/BTP-HTQTCT ngày 08/6/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1908/TTr-STP ngày 18/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình: Đăng ký khai sinh, Đăng ký kết hôn, Đăng ký khai tử trên Cổng Dịch vụ công, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

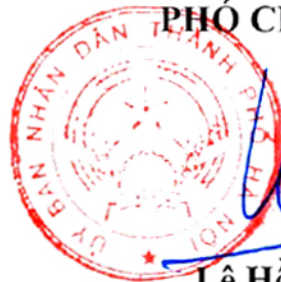
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Ngành: Công an Thành phố, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mr*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Thành Ủy, TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VP UBND TP: CVP, các PCVP UBND TP, các phòng: NC, KSTTHC, TH, HCTC, Trung tâm Tin học công báo;
- Công Giao tiếp điện tử TP;
- Lưu: VT, KSTTHC (Nga). *✓*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn *✓*

1. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KHAI SINH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ


(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2549~~ /QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1. Nộp hồ sơ	Công dân	<p>Người có yêu cầu đăng ký khai sinh (Công dân) lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến từ Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (địa chỉ: dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công)</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai sinh. 		<p>Cổng Dịch vụ công Quốc gia thực hiện đăng nhập một lần, điều hướng người dùng tới Cổng Dịch vụ công thành phố để thực hiện các bước tiếp theo</p> <p>Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu</p>	<p>Điều 7 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</p>	Công dân phải đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử
		<p>Công dân điền Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (chi tiết tại Phụ lục 1.1 đính kèm)</p> <p>Trường hợp các thông tin trong Biểu mẫu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội, hệ thống thông tin có liên quan, được điền tự động (nếu có)</p> <p>Công dân kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp</p> <p>Thành phần hồ sơ chi tiết tại Phụ lục 1.2 kèm theo</p>		<p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh</p>	<p>Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>	

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Công dân	<p>Công dân chọn mục đăng ký số lượng Bản sao trích lục khai sinh, nếu có nhu cầu.</p> <p>Hệ thống tự động thông báo số tiền.</p> <p>- Phí 8.000đ/bản trích lục</p> <p>- Lệ phí đăng ký không đúng hạn 5.000đ</p> <p>Công dân có thể nộp phí, lệ phí trực tuyến trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công thành phố (nếu có) hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã khi nhận kết quả.</p> <p>Giấy khai sinh bản chính (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký đúng hạn 60 ngày kể từ ngày trẻ em được sinh ra), người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)</p> <p>Giấy khai sinh bản điện tử (Miễn phí)</p>		Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi	<p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC và Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội</p>	
2. Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Công chức Bộ phận Một cửa	<p>1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống</p> <p>2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin.</p> <p>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi Thông báo đến công dân (mẫu Thông báo điện tử) nêu rõ lý do và có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để công dân bổ sung, hoàn thiện.</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:</p> <p>3.1 Cập nhật thông tin vào Phần mềm Một cửa (Sổ theo dõi điện tử theo mẫu)</p> <p>3.2 Xác nhận thông tin, gửi thông báo tiếp nhận (mã hồ</p>	Không quá 02 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống báo có hồ sơ mới	Thông báo hẹn trả kết quả (hoặc văn bản từ chối/văn bản hướng dẫn) Phiếu chuyển xử lý (thể hiện trong Phần mềm bằng lệnh chuyển)	<p>Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ</p>	<p>Đề nghị hợp nhất Cổng Dịch vụ và Một cửa điện tử thành phố</p>

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		sơ và ngày giờ trả kết quả) vào tài khoản của công dân Chuyển hồ sơ tới công chức Tư pháp-Hộ tịch trong Phần mềm Một cửa. 4. Trường hợp công dân không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì Bộ phận Một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu Đăng ký khai sinh.				
	Công chức Tư pháp-Hộ tịch	1. Truy cập vào Phần mềm Một cửa nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ 2. Kiểm tra hồ sơ (Biểu mẫu, file đính kèm) Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc từ chối, gửi thông báo tới công chức Một cửa để thông báo cho công dân 3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ 3.1 Đăng ký vào Sổ đăng ký khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm Đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử; chuyển hồ sơ sang CSDLQGDC lấy Sổ định danh cá nhân và cập nhật vào Giấy khai sinh. 3.2 In, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh bản chính, bản sao, điện tử	04 giờ	- Hệ thống sẽ phân tách các thông tin tờ khai, hồ sơ đăng ký khai sinh để chuyển vào Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử - Yêu cầu bổ sung/ từ chối giải quyết - Cập nhật trên Hệ thống		Trường hợp công chức Tư pháp-Hộ tịch đồng thời là công chức Một cửa thì được phân quyền tương ứng và không phải chuyển hồ sơ
	Lãnh đạo UBND cấp xã	Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Đối với các hồ sơ quá hạn giải quyết: có văn bản xin lỗi gửi công dân, nêu lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả lần sau. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: 1. Ký Giấy khai sinh bản chính, bản sao, bản điện tử (chưa đóng dấu của UBND cấp xã) 2. Chuyển lại Giấy khai sinh bản chính, bản sao, bản điện tử cho công chức Tư pháp-Hộ tịch	01 giờ		Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp	Đề xuất Thư Chúc mừng bản điện tử

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Công chức Tư pháp- Hộ tịch	1. Chuyển kết quả (bản chính/bản sao/bản điện tử) tới Công chức Một cửa 2. Thông báo cho công dân đến trụ sở UBND cấp xã mang theo giấy tờ tương ứng với từng trường hợp 3. Cập nhật tình trạng hồ sơ trên Hệ thống.	01 giờ	Chuyển hồ sơ từ Phần mềm Hộ tịch sang Phần mềm Một cửa		
3. Trả kết quả	Công chức Một cửa - Công dân	1. Tiếp nhận hồ sơ từ công chức Tư pháp - Hộ tịch 2. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, bản chính hoặc bản trích lục Giấy chứng nhận kết hôn (nếu có), hồ sơ theo Phụ lục chi tiết đối với từng trường hợp kèm theo Quy trình. <i>(Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân. Trường hợp Giấy chứng nhận kết hôn được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, công dân không cần xuất trình Giấy này. Trường hợp Giấy chứng sinh, văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ được chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu của</i>	Trong giờ hành chính	Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia.		<i>Trường hợp giấy tờ của công dân khi nộp/xuất trình còn thiếu hoặc không chính xác thì yêu cầu công dân bổ sung đủ mới trả kết quả cho công dân</i>

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>ngành y tế, công dân không phải sao chụp, nộp giấy này)</i></p> <p>3. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>4. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai đăng ký khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh theo quy định của luật hộ tịch.</p> <p>5. Thu phí cấp bản trích lục khai sinh (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính Giấy khai sinh, Bản sao Giấy khai sinh. (Đóng dấu của UBND cấp xã)</p> <p>7. Gửi Giấy khai sinh bản điện tử đến tài khoản, thư điện tử của công dân (Miễn phí)</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Bàn giao hồ sơ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch lưu trữ theo quy định</p>			<p>- Điều 16 Luật hộ tịch</p> <p>- Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ</p>	<p><i>Trường hợp giấy tờ của công dân khi nộp/xuất trình không hợp pháp thì thực thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý</i></p> 

Phụ lục 1.1. NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI SINH


I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin tách biệt riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường/phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán.

III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh

- (13) Họ, chữ đệm, tên; 

(14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(15) Số định danh cá nhân;

(16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(17) Dân tộc;

(18) Quốc tịch;

(19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh

(20) Họ, chữ đệm, tên;

(21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(22) Số định danh cá nhân;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

☐ Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

☐ Không

(28) Hồ sơ đính kèm theo quy định.



* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp, nội dung đề nghị đăng ký khai sinh cho trẻ em là đúng sự thật, đã có sự thỏa thuận nhất trí của cha, mẹ trẻ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về tài khoản, thư điện tử của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại UBND cấp xã.



Phụ lục 1.2. Thẩm quyền và thành phần hồ sơ xuất trình/nộp:

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền:

- UBND cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em;
- Hoặc UBND cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.
- Hoặc UBND cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.

Đối với việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ:

- Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng.
- Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.
- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký khai sinh lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký khai sinh thì công chức UBND cấp xã phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.
- UBND cấp xã từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.

Thành phần hồ sơ:

**** Giấy tờ phải xuất trình:***

- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh;
- Trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong trường hợp chưa chia sẻ Cơ sở dữ liệu hộ tịch).

**** Giấy tờ phải nộp:***

- Bản chính Giấy chứng sinh;

Hoặc trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh;

Hoặc nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh;

- Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập. *(Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi thì sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi. Sau khi lập biên bản, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi. Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ.)*

- Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.

- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.



Phụ lục 1.3. Thành phần hồ sơ điện tử:

TT	Tên thành phần hồ sơ	Cơ sở dữ liệu/bản chụp/bản điện tử	Bắt buộc/không bắt buộc đính kèm	Xuất trình/ nộp bản chính khi nhận kết quả	Điều kiện về kỹ thuật
1	Giấy chứng sinh, văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ (nếu có) được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu của ngành y tế (nếu có), công dân không phải sao chụp, nộp giấy tờ này	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc đính kèm	Không bắt buộc xuất trình/giao nộp	Tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Y tế
	Trường hợp chưa được tự động chia sẻ, kết nối, xác thực, công dân đăng tải				
	Giấy chứng sinh	Giấy chứng sinh đã có chữ ký số	Bắt buộc	Nộp bản chính	Giấy chứng sinh đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Nộp bản chính	Giấy chứng sinh đã được chứng thực điện tử
	<i>Hoặc Văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh (Trường hợp không có giấy chứng sinh)</i>	Văn bản đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh đã được chứng thực điện tử

	<i>Hoặc Giấy cam đoan về việc sinh (Trường hợp không có người làm chứng)</i>	Giấy cam đoan đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy cam đoan đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy cam đoan về việc sinh đã được chứng thực điện tử
	<i>Hoặc Trường hợp khai sinh cho trẻ sinh ra bằng phương pháp mang thai hộ, Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ</i>	Văn bản đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ đã được chứng thực điện tử
	<i>Hoặc Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi, Biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do UBND cấp xã lập</i>	Biên bản đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Biên bản đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Biên bản đã được chứng thực điện tử
2	Giấy chứng nhận kết hôn được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc	Không xuất trình, không nộp	Đã tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch
	Trường hợp chưa được tự động chia sẻ, kết nối, xác thực, Công dân đăng tải				

	Giấy chứng nhận kết hôn của cha/mẹ trẻ em (Trường hợp cha, mẹ trẻ có đăng ký kết hôn)	Giấy chứng nhận đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy chứng nhận đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Xuất trình Bản chính	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy chứng nhận kết hôn của cha/mẹ trẻ em đã được chứng thực điện tử
3	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, xác thực	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc	Xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Đã tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
	Trường hợp công dân đã có xác thực định danh điện tử	Xác thực định danh điện tử công dân	Không bắt buộc	Không xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Công dân đã có xác thực định danh điện tử
	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư chưa được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đăng tải bản chụp Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân	Giấy tờ tùy thân đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy tờ tùy thân đã có ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy tờ đã được chứng thực điện tử
4	Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục				
	Văn bản ủy quyền được công chứng, chứng thực (Người được ủy quyền không phải là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng,	Văn bản đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản đã có chữ ký số
		Bản chính	Bắt buộc	Giao nộp khi	Chụp từ bản chính

	anh, chị, em ruột của người ủy quyền)			nhận kết quả tại UBND cấp xã	
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản đã được chứng thực điện tử
	<i>Hoặc 1. Văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực và 2. Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền (Người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền)</i>	Văn bản đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản đã có chữ ký số
		Bản chính	Bắt buộc	Giao nộp khi nhận kết quả tại UBND cấp xã	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản ủy quyền đã được chứng thực điện tử

ky

2. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KẾT HÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 24/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1. Nộp hồ sơ	Công dân	<p>Người có yêu cầu đăng ký kết hôn (Công dân) lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến từ Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (địa chỉ: dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công).</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú của bên Nam hoặc bên Nữ - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký kết hôn 		<p>Cổng Dịch vụ công Quốc gia thực hiện đăng nhập một lần, điều hướng người dùng tới Cổng Dịch vụ công thành phố để thực hiện bước tiếp theo</p> <p>Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu</p>	<p>- Điều 7 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>- Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</p> <p>- Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ</p>	Công dân phải đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử
		<p>Công dân điền Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn (chi tiết tại Phụ lục 2.1 đính kèm)</p> <p>Trường hợp các thông tin trong Biểu mẫu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được điền tự động (nếu có)</p> <p>Công dân kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp</p> <p>Thành phần hồ sơ chi tiết tại Phụ lục 2.2 kèm theo</p>		<p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn</p>	<p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>	

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Công dân	<p>Công dân chọn mục đăng ký số lượng Bản sao trích lục kết hôn, nếu có nhu cầu.</p> <p>Hệ thống tự động thông báo số tiền (Phí 8.000d/bản trích lục)</p> <p>Công dân có thể nộp phí trực tuyến trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công thành phố (nếu có) hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã khi nhận kết quả.</p> <p>Giấy chứng nhận kết hôn 02 bản chính, mỗi bên vợ, chồng 01 bản chính (Miễn lệ phí)</p> <p>Giấy chứng nhận kết hôn bản điện tử (Miễn lệ phí)</p>		Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi	<p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội</p>	
2. Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Công chức Bộ phận Một cửa	<p>1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống</p> <p>2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin.</p> <p>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi Thông báo đến công dân nêu rõ lý do và có văn bản hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để công dân bổ sung, hoàn thiện.</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:</p> <p>3.1 Cập nhật thông tin vào Phần mềm Một cửa</p> <p>3.2 Xác nhận thông tin, gửi thông báo tiếp nhận (mã hồ sơ và ngày giờ trả kết quả) vào tài khoản của công dân</p> <p>3.3 Chuyển hồ sơ tới công chức Tư pháp - Hộ tịch trong Phần mềm Một cửa.</p> <p>4. Trường hợp công dân không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì Bộ phận Một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu Đăng ký kết hôn.</p>	Không quá 02 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống báo có hồ sơ mới	<p>Thông báo hẹn trả kết quả (hoặc văn bản từ chối/văn bản hướng dẫn)</p> <p>Phiếu chuyển xử lý (thể hiện trong Phần mềm bằng lệnh chuyển)</p>	<p>Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ</p>	<p>Đề nghị hợp nhất Cổng Dịch vụ công, Một cửa điện tử thành phố</p>

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Công chức Tư pháp-Hộ tịch	1. Truy cập vào Phần mềm Một cửa nhận thông báo có hồ sơ mới 2. Kiểm tra thành phần hồ sơ (Biểu mẫu, file đính kèm) Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc từ chối thì gửi thông báo tới công chức Một cửa để thông báo cho công dân (theo Phiếu hướng dẫn điện tử) 3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ 3.1 Đăng ký vào Sổ Đăng ký kết hôn và lưu trên Phần mềm Đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử. 3.2 In, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy chứng nhận kết hôn bản chính, bản sao, điện tử	04 giờ	- Hệ thống sẽ phân tách các thông tin tờ khai, hồ sơ đăng ký kết hôn để chuyển vào Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch - Yêu cầu bổ sung hoặc từ chối giải quyết - Cập nhật trên Hệ thống	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ	Trường hợp công chức Tư pháp-Hộ tịch đồng thời là công chức Một cửa thì được phân quyền tương ứng và không phải chuyển hồ sơ
	Lãnh đạo UBND cấp xã	- Ký Giấy chứng nhận kết hôn bản chính, bản sao, bản điện tử (chưa đóng dấu của UBND cấp xã), chuyển lại hồ sơ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Đối với các hồ sơ quá hạn giải quyết: có văn bản xin lỗi gửi công dân, nêu rõ lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả lần sau	01 giờ			Đề xuất Thư Chúc mừng bản điện tử
	Công chức Tư pháp-Hộ tịch	- Chuyển kết quả (bản chính/bản sao/bản điện tử) tới Công chức Một cửa - Thông báo cho hai bên Nam, Nữ đến trụ sở UBND cấp xã mang theo giấy tờ theo Phụ lục tương ứng với từng trường hợp - Cập nhật tình trạng hồ sơ trên Hệ thống.	01 giờ	Chuyển hồ sơ từ Phần mềm Hộ tịch sang Phần mềm Một cửa		

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3. Trả kết quả	Công chức Một cửa - Công dân	1. Tiếp nhận kết quả từ công chức Tư pháp - Hộ tịch 2. Đề nghị hai bên Nam, Nữ xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, hồ sơ theo Phụ lục đối với từng trường hợp kèm theo Quy trình. <i>(Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân. Trường hợp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, công dân không cần xuất trình Giấy này)</i> 3. Xác nhận đã đối chiếu bản chính 4. Đề nghị hai bên Nam, Nữ ký vào Tờ khai đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của luật hộ tịch. 5. Thu phí cấp bản sao trích lục kết hôn (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) 6. Đóng dấu của UBND cấp xã vào phần chữ ký của Lãnh đạo UBND cấp xã trên Giấy chứng nhận kết hôn. 7. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn 8. Gửi Giấy chứng nhận kết hôn điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, thư điện tử của công dân (Miễn phí) 9. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa 10. Bàn giao hồ sơ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch lưu trữ theo quy định	Trong giờ hành chính	Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia.		<i>Trường hợp giấy tờ của công dân khi nộp/xuất trình còn thiếu hoặc không chính xác thì yêu cầu công dân bổ sung đủ mới trả kết quả cho công dân</i> <i>Trường hợp giấy tờ của công dân khi nộp/xuất trình không hợp pháp thì thực hiện thủ tục thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý</i>
				Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính	- Điều 18 Luật hộ tịch - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp	

Phụ lục 2.1. NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

I. Thông tin bên nữ

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Dân tộc;
- (4) Quốc tịch;
- (5) Số định danh cá nhân;
- (6) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (7) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (8) Kết hôn lần thứ mấy.

II. Thông tin bên nam

- (10) Họ, chữ đệm, tên;
- (11) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (12) Dân tộc;
- (13) Quốc tịch;
- (14) Số định danh cá nhân;
- (15) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (16) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (17) Kết hôn lần thứ mấy;



(18) Đề nghị cấp bản sao:

☐ Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

☐ Không

(19) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại UBND cấp xã.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về tài khoản, thư điện tử của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã



Phụ lục 2.2. Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

**** Giấy tờ phải xuất trình***

- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân do Cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký kết hôn: Bên Nam.
- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân do Cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký kết hôn: Bên Nữ.
- Trích lục ghi chú ly hôn đối với trường hợp công dân Việt Nam đăng ký thường trú tại địa bàn xã làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được giải quyết việc ly hôn, hủy việc kết hôn trước đó tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

**** Giấy tờ phải nộp***

- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu. Hai bên Nam, Nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn;
- Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND cấp xã có thẩm quyền cấp trong trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không đăng ký thường trú tại địa bàn xã, phường, thị trấn làm thủ tục đăng ký kết hôn (trong trường hợp chưa chia sẻ Cơ sở dữ liệu hộ tịch).

**** Lưu ý***

- Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.
- Khi tới UBND cấp xã nhận kết quả (Giấy chứng nhận kết hôn) người có yêu cầu Đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân để xác định nhân thân, có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Tờ khai, Sổ đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

Phụ lục 2.3. Thành phần hồ sơ điện tử:

TT	Tên thành phần hồ sơ	Cơ sở dữ liệu/bản chụp/bản điện tử	Bắt buộc/không bắt buộc đính kèm	Xuất trình/ nộp bản chính khi nhận kết quả	Điều kiện về kỹ thuật
1	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc	Không xuất trình, không nộp	Đã chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch
	Trường hợp chưa được tự động chia sẻ, kết nối, Công dân đăng tải				
	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Giấy xác nhận đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy xác nhận đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Nộp bản chính	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được chứng thực điện tử
	Trích lục ghi chú ly hôn đối với trường hợp công dân đăng ký thường trú tại địa bàn cấp xã lâm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được giải quyết việc ly hôn, hủy việc kết hôn trước đó tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài được chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc	Không xuất trình, không nộp	Đã chia sẻ cơ sở dữ liệu hộ tịch
	Trường hợp chưa được tự động chia sẻ, kết nối, xác thực, Công dân đăng tải				

	Trích lục ghi chú ly hôn đối với trường hợp công dân đăng ký thường trú tại địa bàn cấp xã làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được giải quyết việc ly hôn, hủy việc kết hôn trước đó tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài	Trích lục đã có chữ ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Trích lục đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Xuất trình	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Trích lục ghi chú đã được chứng thực điện tử
2	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, xác thực	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc	Xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Đã tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
	Trường hợp công dân đã có xác thực định danh điện tử	Xác thực định danh điện tử công dân	Không bắt buộc	Không xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Công dân đã có xác thực định danh điện tử
	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư chưa được tích hợp, chia sẻ, kết nối, xác thực, công dân đăng tải bản chụp Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân	Giấy đã có ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy tờ tùy thân đã được chứng thực điện tử

3. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KHAI TỪ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 24/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1. Nộp hồ sơ	Công dân	<p>Người có yêu cầu đăng ký khai tử (Công dân) lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến từ Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (địa chỉ: dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công)</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai tử 		<p>Cổng Dịch vụ công Quốc gia thực hiện đăng nhập một lần, điều hướng người dùng tới Cổng Dịch vụ công thành phố để thực hiện bước tiếp theo</p> <p>Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu</p>	<p>Điều 7 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</p>	Công dân phải đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử
		<p>Công dân điền Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử (chi tiết tại Phụ lục 3.1 kèm theo)</p> <p>Trường hợp các thông tin trong Biểu mẫu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội, hệ thống thông tin có liên quan, được điền tự động (nếu có)</p> <p>Công dân kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp</p> <p>Thành phần hồ sơ chi tiết tại Phụ lục 3.2 kèm theo</p>		<p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử</p>	<p>Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>	

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Công dân	<p>Công dân chọn mục đăng ký số lượng Bản sao trích lục khai tử, nếu có nhu cầu.</p> <p>Hệ thống tự động thông báo số tiền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí 8.000đ/bản trích lục - Lệ phí đăng ký không đúng hạn 5.000đ <p>Công dân có thể nộp phí, lệ phí trực tuyến trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Công Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công thành phố (nếu có) hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã khi nhận kết quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trích lục khai tử bản chính (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký đúng hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - Trích lục khai tử bản điện tử (Miễn phí) 		Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC và Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội 	
2. Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Công chức Bộ phận Một cửa	<p>1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống</p> <p>2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin.</p> <p>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi Thông báo đến công dân (mẫu Thông báo điện tử) nêu rõ lý do và có văn bản hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để công dân bổ sung, hoàn thiện.</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:</p> <p>3.1 Cập nhật thông tin vào Phần mềm Một cửa (Sổ theo dõi điện tử theo mẫu)</p> <p>3.2 Xác nhận thông tin, gửi thông báo tiếp nhận (mã hồ</p>	Không quá 02 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống báo có hồ sơ mới	<p>Thông báo hẹn trả kết quả (hoặc văn bản từ chối/văn bản hướng dẫn)</p> <p>Phiếu chuyển xử lý (thể hiện trong Phần mềm bảng lệnh chuyển)</p>	<p>Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ</p>	<p>Đề nghị họp nhất Công Dịch vụ công, Một cửa điện tử thành phố</p>

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>sơ và ngày giờ trả kết quả) vào tài khoản của công dân</p> <p>3.3 Chuyển hồ sơ tới công chức Tư pháp - Hộ tịch trong Phần mềm Một cửa.</p> <p>4. Trường hợp công dân không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì Bộ phận Một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu Đăng ký khai tử.</p>				
	Công chức Tư pháp-Hộ tịch	<p>1. Truy cập vào Phần mềm Một cửa nhận thông báo có hồ sơ mới</p> <p>2. Kiểm tra thành phần hồ sơ (Biểu mẫu, file đính kèm)</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc từ chối thì gửi thông báo tới công chức Một cửa để thông báo cho công dân (theo Phiếu hướng dẫn điện tử)</p> <p>4. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ</p> <p>4.1 Đăng ký vào Sổ đăng ký khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm Đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử</p> <p>4.2 In, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục khai tử bản chính, bản sao, điện tử</p>	04 giờ	<p>- Hệ thống sẽ phân tách các thông tin tờ khai, hồ sơ đăng ký khai tử để chuyển vào Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch</p> <p>- Yêu cầu bổ sung/ từ chối giải quyết</p> <p>- Cập nhật trên Hệ thống</p>	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ	Trường hợp công chức Tư pháp-Hộ tịch đồng thời là công chức Một cửa thì được phân quyền và không phải chuyển hồ sơ
	Lãnh đạo UBND cấp xã	<p>- Ký Trích lục khai tử bản chính, bản sao, bản điện tử (chưa đóng dấu của UBND cấp xã)</p> <p>- Chuyển lại Trích lục khai tử bản chính, bản sao, bản điện tử cho công chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Đối với các hồ sơ quá hạn giải quyết: có văn bản xin lỗi gửi công dân, nêu rõ lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả lần sau</p>	01 giờ			Đề xuất Thư Chia buồn bản điện tử

Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Công chức Tư pháp-Hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển kết quả (bản chính/bản sao/bản điện tử) tới Công chức Một cửa - Thông báo cho công dân đến trụ sở UBND cấp xã mang theo giấy tờ theo Phụ lục tương ứng với từng trường hợp - Cập nhật tình trạng hồ sơ trên Hệ thống. 	01 giờ	Chuyển hồ sơ từ Phần mềm Hộ tịch sang Phần mềm Một cửa		
3. Trả kết quả	Công chức Một cửa - Công dân	<p>1. Tiếp nhận kết quả từ công chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>2. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, Giấy báo tử (nếu có) và hồ sơ theo Phụ lục chi tiết đối với từng trường hợp kèm theo Quy trình. <i>(Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân. Trường hợp Giấy báo tử được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu, công dân không phải sao chụp, nộp giấy này)</i></p> <p>3. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>4. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai đăng ký khai tử và Sổ đăng ký khai tử theo quy định của luật hộ tịch.</p> <p>5. Thu phí cấp bản sao trích lục khai tử (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p>	Trong giờ hành chính	Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 34 Luật hộ tịch - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp 	<i>Trường hợp giấy tờ của công dân khi nộp/xuất trình còn thiếu hoặc không chính xác thì yêu cầu công dân bổ sung đủ mới trả kết quả cho công dân</i>


Bước	Chủ thể	Quy trình chi tiết	Thời gian	Trạng thái	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, bản sao Trích lục khai tử (đóng dấu của UBND cấp xã) 7. Gửi Trích lục khai tử bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, thư điện tử của công dân (Miễn phí) 8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa 9. Bàn giao hồ sơ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch lưu trữ theo quy định				<i>Trường hợp giấy tờ của công dân khi nộp/xuất trình không hợp pháp thì thực hiện thủ tục thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý</i>

Phụ lục 3.1. NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai tử

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai tử.

II. Thông tin về người được đăng ký khai tử

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Số định danh cá nhân;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú cuối cùng (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (11) Thời gian chết: giờ, phút, ngày, tháng, năm (tách biệt riêng các trường thông tin giờ, phút, ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi chết;
- (13) Nguyên nhân chết (có chú thích: nếu chưa xác định được/chưa rõ thì để trống);
- (14) Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế giấy báo tử: số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp (tách biệt riêng các trường thông tin số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp; có chú thích nếu không có thì để trống);
- (15) Đề nghị cấp bản sao: 

☐ Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...


☐ Không

(16) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai tử nhận Trích lục khai tử (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về tài khoản, thư điện tử của công dân sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai tử tại UBND cấp xã. 

Phụ lục 3.2. Thẩm quyền và thành phần hồ sơ xuất trình/nộp:

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền:

- UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử;
- Hoặc UBND cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết.

Thành phần hồ sơ:

**** Giấy tờ phải xuất trình***

- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân do Cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử;
- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân do Cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người chết;
- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền đăng ký khai tử (trong trường hợp chưa chia sẻ Cơ sở dữ liệu cư trú).
- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.

**** Giấy tờ phải nộp***

- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu;
- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Hoặc Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.

*** Lưu ý**

- Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.
- Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.
- Khi tới UBND cấp xã nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử) người có yêu cầu Đăng ký khai tử xuất trình Giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ tại mục 3.2 trừ trường hợp đã tải lên bản sao điện tử các giấy tờ này.

Phụ lục 3.3. Thành phần hồ sơ điện tử:

TT	Tên thành phần hồ sơ	Cơ sở dữ liệu/bản chụp/bản điện tử	Bắt buộc/không bắt buộc đính kèm	Xuất trình/ nộp bản chính khi nhận kết quả	Điều kiện về kỹ thuật
1	Giấy báo tử được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu (nếu có), công dân không phải sao chụp, nộp giấy tờ này	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc đính kèm	Không bắt buộc xuất trình/giao nộp	Tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Y tế
	Trường hợp chưa được tự động chia sẻ, kết nối, xác thực, công dân đăng tải				
	Giấy báo tử	Giấy đã có ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy báo tử đã được chứng thực điện tử
	<i>Hoặc giấy thay thế giấy báo tử của người chết do cơ quan có thẩm quyền cấp (Trường hợp không có giấy báo tử)</i>	Giấy đã có ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	Chụp từ bản chính
		Chứng thực điện tử	Bắt buộc	Nộp bản chính	Giấy thay thế giấy báo tử đã được chứng thực điện tử
	<i>Hoặc Bản chụp Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận chứng</i>	Giấy đã có ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy đã có chữ ký số

	<i>minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử</i>	Bản chụp	Bắt buộc	Nộp bản chính	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ đã được chứng thực điện tử
2	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, xác thực	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc	Xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Đã tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
	Trường hợp công dân đã có xác thực định danh điện tử công dân	Xác thực định danh điện tử công dân	Không bắt buộc	Không xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Công dân đã có xác thực định danh điện tử công dân
	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư chưa được tích hợp, chia sẻ, kết nối, xác thực, công dân đăng tải bản chụp Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân	Giấy đã có ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân	Chụp từ bản chính
		Chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy tờ tùy thân đã được chứng thực điện tử
3	Trường hợp Cơ sở dữ liệu cư trú đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, xác thực thì công dân không cần đăng tải bản chụp giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết	Chia sẻ cơ sở dữ liệu	Không bắt buộc	Không xuất trình	Đã tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cư trú
	Trường hợp Cơ sở dữ liệu cư trú chưa được chia sẻ, kết nối công dân đăng tải bản chụp giấy chứng minh nơi cư trú cuối cùng của	Giấy đã có ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy đã có chữ ký số
		Bản chụp	Bắt buộc	Xuất trình	Chụp từ bản chính

	người chết để xác định thẩm quyền đăng ký	Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Giấy chứng minh nơi cư trú đã được chứng thực điện tử
4	Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục				
	<i>Văn bản ủy quyền được công chứng, chứng thực</i> (Người được ủy quyền không phải là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền)	Văn bản đã ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản đã được ký số
		Bản chính	Bắt buộc	Giao nộp khi nhận kết quả tại UBND cấp xã	Chụp từ bản chính
		Bản chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản ủy quyền đã được chứng thực điện tử
	<i>Hoặc 1. Văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực và 2. Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền</i> (Người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền)	Văn bản đã ký số	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản đã được ký số
		Bản chính	Bắt buộc	Giao nộp khi nhận kết quả tại UBND cấp xã	Chụp từ bản chính
		Chứng thực điện tử	Bắt buộc	Không bắt buộc xuất trình/nộp	Văn bản ủy quyền đã được chứng thực điện tử